



lù biān

路边

Noun · curb; roadside; wayside

Example Sentences

lù biān cháng zhe jǐ kē cǎo
路边长着几棵草。

There are a few plants of grass growing by the roadside.

tā bǎ chē tíng zài lù biān
他把车停在路边。

He parked the car by the roadside.

dà fēng xiān fān le lù biān de zhuō zi
大风掀翻了路边的桌子。

The strong wind overturned the table by the roadside.

Trace each character, then write the word on your own.

路	路	路	路	路	路	路	路	路	路	路
路	路	路	路	路						
边	边	边	边	边	边	边	边			